

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-PT
Ngày: 08-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước
Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 296/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngô Thị C (Ch E), sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị C trình bày:

Bà và bà T là bạn bè. Do thấy hoàn cảnh của bà T khó khăn nên năm 2017, bà có hốt hui được khoảng 107.000.000 đồng, nên bà cho bà T mượn. Khi cho mượn thì không có làm biên nhận, không tính lãi, không thỏa thuận thời gian trả.

Đến ngày 24/4/2018 (âm lịch), bà mới yêu cầu bà T viết biên nhận, bà đồng ý giảm cho bà T số tiền chỉ còn lại 100.000.000 đồng, bà T có cam kết đến tháng 04/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ.

Ngày 24/5/2018 (âm lịch), bà tiếp tục cho bà T mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K để mua xoài lá, đều không tính lãi. Bà T có viết biên nhận, hẹn đến tháng 4/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ.

Tuy nhiên, khi bà T bán xoài xong nhưng không trả tiền cho bà nên bà mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên hòa giải, bà T trình bày bà đã trả tiền cho bà C 03 lần, lần lượt 35.000.000 đồng, 40.000.000 đồng và 14.500.000 đồng là không đúng. Bà chỉ có nhận số tiền 40.000.000 đồng và 10.000.000 đồng mà bà T trả cho các khoản vay khác nhưng khi vay không có biên nhận. Do đó, nay bà cũng thống nhất có nhận số tiền tổng cộng 50.000.000 đồng là bà T trả 02 khoản vay này. Như vậy, bà T còn nợ lại bà 150.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K.

Nay bà yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ 150.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k (tính giá vàng tại thời điểm ngày 13/6/2023 là 5.590.000 đồng/01 chỉ) tổng số tiền là 39.130.000 đồng, tổng cộng bà T còn nợ bà là 189.130.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Năm 2017, bà C hốt hụi được 103.400.000 đồng, không phải 107.000.000 đồng và cho bà mượn lại, mượn không làm biên nhận, không tính lãi, không thỏa thuận thời gian trả. Đến ngày 24/4/2018 (âm lịch), bà C mới yêu cầu bà T viết biên nhận, nhưng hai bên đồng ý giảm số tiền lẽ chỉ còn lại 100.000.000 đồng, bà có cam kết đến tháng 04/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ. Đến tháng 10/2018 (âm lịch), bà trả được 35.000.000 đồng; tháng 11/2019 (âm lịch), bà trả được 40.000.000 đồng; tháng 3/2022 (âm lịch), bà trả được 14.500.000 đồng. Như vậy, tính trên số tiền mượn 103.400.000 đồng thì nay bà chỉ còn nợ lại bà C 13.900.000 đồng.

Đối với biên nhận ngày 24/5/2018 (âm lịch) số tiền 100.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K là do bà C ép bà viết biên nhận chứ bà không có vay. Do đó, nay bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền còn nợ 13.900.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2022/DS-ST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị C.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà Ngô Thị C số tiền 189.130.000 đồng (Một trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 9.456.500 đồng (Chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho bà Ngô Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.875.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000499, ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/6/2023, bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền 13.900.000 đồng, chứ không đồng ý trả 189.130.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa bà Ngô Thị C không yêu cầu lối suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, nên đề nghị điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 2017, bà C có hót hụi được khoảng 107.000.000 đồng, nên bà cho bà T mượn lại số tiền này. Khi cho mượn thì không có làm biên nhận, không tính lãi, không thỏa thuận thời gian trả. Đến ngày 24/4/2018 (âm lịch), bà mới yêu cầu bà T viết biên nhận nợ, bà đồng ý giảm cho bà T số tiền chỉ còn lại 100.000.000 đồng và bà T có cam kết đến tháng 04/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ.

Đến ngày 24/5/2018 (âm lịch), bà tiếp tục cho bà T mượn thêm số tiền 100.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K để mua xoài lá, cũng không tính lãi và không có thỏa thuận thời gian trả. Bà T có viết biên nhận và cũng hẹn đến tháng 4/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà bà C cho bà T mượn ngày 24/4/2018 (âm lịch), bà C trình bày từ khi cho mượn thực tế bà T chưa trả được khoản nợ nào. Bà T thì trình bày đã trả được 03 lần, cụ thể: Lần 1 khoảng tháng 10/2018 (âm lịch) bà trả cho bà C 35.000.000 đồng; Lần 2 khoảng tháng 11/2019 (âm

lịch) trả 40.000.000 đồng; Lần 3 khoảng tháng 3/2022 trả 14.500.000 đồng, tổng cộng 89.500.000đ, mỗi lần trả tiền bà T không có kêu bà C viết biên nhận. Số tiền bà trả cho bà C được trừ vào số tiền mà bà C hốt hụi cho bà mượn 103.400.000 đồng thì bà chỉ còn nợ lại 13.900.000 đồng.

Việc trình bày của bà T có trả tiền cho bà C 03 lần tổng cộng 89.500.000đ, bà C không thừa nhận mà bà chỉ có nhận của bà T có trả cho bà 02 lần tổng số tiền là 50.000.000 đồng (một lần nhận 40.000.000 đồng, một lần nhận 10.000.000 đồng) nhưng bà cũng không nhớ thời gian nào trả và trả cho khoản vay mượn nào. Tuy nhiên, do bà C không chứng minh được bà T trả khoản nợ của khoản vay mượn nào, nên bà C cũng thống nhất từ khi bà cho bà T mượn khoản tiền mà bà hốt hụi cho đến nay, bà T chỉ trả được 50.000.000 đồng, nên bà đồng ý trừ vào khoản nợ của số tiền hụi mà bà đã đưa cho bà T và bà T đã làm biên nhận và cam kết sẽ trả dứt điểm cho bà vào tháng 04/2019 (âm lịch). Như vậy, khoản nợ còn lại của biên nhận ngày 24/4/2018 (âm lịch) là 50.000.000 đồng, nên án sơ thẩm buộc bà T phải trả cho bà C số tiền còn lại và bà C không yêu cầu tính lãi, kể cả tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án là hoàn toàn có căn cứ.

[2] Đối với số tiền và vàng mà bà C cho bà T mượn để mua xoài lá theo biên nhận nợ ngày 24/5/2018 (âm lịch) và cam kết đến tháng 4/2019 (âm lịch) sẽ trả: Tại phiên tòa, bà C và bà T đều thống nhất biên nhận là do bà T viết, nhưng bà T cho rằng việc viết biên nhận này bà bị bà C ép buộc viết chứ bà không có mượn tiền và vàng gì của bà C.

Xét thấy lời trình bày của bà T cho rằng bà bị bà C ép buộc bà viết biên nhận và cam kết trả tiền, vàng, án sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ, bởi vì: Khi bà viết biên nhận, bà giao cho bà C, bà cũng không có chứng cứ giấy tờ gì thể hiện bà C có dùng vũ lực, hay đe dọa hoặc có hành vi nào khác để buộc bà T phải viết biên nhận trái với ý muốn của bà và bà cũng không có ý kiến phản đối, hay trình báo gì cho Cơ quan có thẩm quyền để xử lý việc bà C đe dọa để ép buộc bà T phải viết biên nhận nợ.

Đến tháng 10/2018 (âm lịch), tức là sau khi viết biên nhận khoảng 05 tháng, bà T cũng có trả nợ cho bà C, nhưng bà cũng không đề cập gì đến biên nhận nợ ngày 24/5/2018 (âm lịch) và cam kết đến tháng 4/2019 (âm lịch) sẽ trả. Tại phiên tòa bà T cũng không có chứng cứ gì để chứng minh việc bà C đe dọa để ép buộc bà T phải viết biên nhận nợ cho bà C.

Tại phiên hòa giải ngày 23/5/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm, bà T trình bày: *“Đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, bà đồng ý trả 07 chỉ vàng 24K và đồng ý trả 80.500.000 đồng (do bà đã trả được 89.500.000 đồng và trừ lại hụi chết đã đóng 30.000.000đồng), ngoài ra không yêu cầu gì thêm.”* Đối với lời trình bày trên của bà T bà cũng đã thống nhất thực tế là bà có mượn nợ của bà C tổng cộng hai lần với số tiền 200.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K. Do đó, sau khi trừ số tiền đã trả 89.500.000 đồng và số tiền hụi chết đã đóng 30.000.000 đồng mới còn nợ lại 80.500.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K và bà cũng đã đồng ý trả. Nghĩa là khi tham gia hòa giải tại Tòa, hai bên chỉ tranh chấp về số tiền đã trả 89.500.000

đồng như bà T trình bày hay chưa trả được khoản tiền nào cho hai khoản vay mượn như bà C đã trình bày. Và tại phiên hòa giải hai bên hoàn toàn cũng không tranh chấp về số tiền và vàng mà các bên đã cho vay mượn.

Nhưng tại phiên tòa, bà T đã thay đổi lời khai, bà cho rằng bà chỉ còn nợ khoản tiền hụi, nhưng bà đã trả được 89.500.000 đồng, bà chỉ còn nợ số tiền còn lại của số tiền hụi mà bà C cho mượn là 13.900.000 đồng, riêng số tiền 100.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k mượn ngày 24/5/2018 (âm lịch) và cam kết đến tháng 04/2019 (âm lịch) sẽ trả bà T cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Vì vậy, án sơ thẩm buộc bà T phải trả lại cho bà C khoản nợ theo biên nhận nợ ngày 24/5/2018 (âm lịch) và cam kết đến tháng 4/2019 (âm lịch) sẽ trả đủ với số tiền 100.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24k là hoàn toàn có căn cứ.

Tại phiên tòa, bà C yêu cầu bà T trả 07 chỉ vàng 24K, nhưng bà đồng ý quy ra tiền và thống nhất giá vàng áp dụng vào ngày 13/6/2023 là 5.590.000 đồng/01 chỉ vàng 24K x 07 chỉ, thành tiền là 39.130.000 đồng không yêu cầu tính lãi, kể cả tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án, nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà C là có căn cứ.

Như vậy, tổng cộng hai khoản bà C cho bà T mượn, bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà C tổng cộng là 189.130.000 đồng.

[3] Đối với số tiền 30.000.000 đồng là số tiền hụi chết mà bà T đã đóng cho bà C, tại phiên tòa bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên án sơ thẩm không đặt vấn đề xem xét, giải quyết là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét đơn kháng cáo của bà T là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà T phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà C không yêu cầu bà T trả lãi, kể cả tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử xét thấy việc tự nguyện trên của bà C là hoàn toàn tự nguyện, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa bà C không yêu cầu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, nên đề nghị điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 157; Điều 166; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh T.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 63/2023/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị C.
4. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T trả cho bà Ngô Thị C số tiền 189.130.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi, kể cả tiền lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu số tiền 9.456.500 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Trả lại cho bà Ngô Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.875.000 đồng (năm triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000499, ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0004168 ngày 03/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (bà T đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội